

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: KẾ TOÁN
MÃ SỐ: 51340301

*(Ban hành theo Quyết định số 3392/QĐ-ĐHQGHN, ngày 16 tháng 9 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Kế toán
 - + Tiếng Anh: Accounting
- **Mã số ngành đào tạo:** 51340301
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kế toán
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Accounting
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán theo định hướng chuyên gia;
- Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ về kế toán, phân tích dự báo tài chính trong các doanh nghiệp và tổ chức khác; nghiên cứu, giảng dạy về kế toán trong các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu; Có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn để trở thành các nhà lãnh đạo, các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

3. Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Kinh tế.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

1.1.1 Khối kiến thức chung

- Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng, khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet. Khai thác được các kiến thức cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể;

- Thấm nhuần những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước;

- Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe;

- Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.1.2 Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản;

- Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản.

1.1.3 Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật vào những hoạt động kinh tế;
- Vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp;
- Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế;
- Áp dụng phương pháp phân tích hồi qui, vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế;
- Xây dựng và lựa chọn được phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.

1.1.4 Kiến thức theo nhóm ngành

- Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về kế toán để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp;
- Vận dụng được các nguyên tắc kế toán vào quá trình kinh doanh chủ yếu của các tổ chức kinh tế nói chung và các loại hình doanh nghiệp đặc thù;
- Phân tích được các vấn đề nguyên lý hoạt động của hệ thống tài chính tiền tệ tiền tệ của quốc gia;
- Phân tích được các vấn đề cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

1.1.5 Kiến thức ngành

- Vận dụng, phân tích và đánh giá được một số vấn đề chuyên sâu và cụ thể về lĩnh vực kế toán - kiểm toán của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế: phân tích, đánh giá được qui trình kế toán của một tổ chức kinh tế; lập, đọc, phân tích được báo cáo tài chính của doanh nghiệp; phân tích, đánh giá được một số qui trình kiểm toán nội bộ, kiểm toán tài chính doanh nghiệp; phân tích dự báo tài chính doanh nghiệp.

1.2 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức

tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán kiểm toán như nhận dạng các nghiệp vụ kinh tế; ghi chép, tổng hợp và xử lý thông tin trên các chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ Nhật ký và Sổ Cái tài khoản; kiểm tra việc ghi chép trên chứng từ và các tài khoản kế toán; lên bảng cân đối thử;

- Tư duy theo hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán như tổng hợp các nghiệp vụ, kiểm tra tính cân đối của số liệu kế toán, kiểm kê tài sản và thực hiện các nghiệp vụ tài chính về khai thác và sử dụng vốn trong các doanh nghiệp;

- Có khả năng nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề có liên quan đối với chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán như các vấn đề độc lập và đạo đức nghề nghiệp của Kế toán - Kiểm toán viên, mô hình chuyển đổi của hệ thống kế toán Việt Nam; Ứng dụng các phương pháp mới trong hoạt động kế toán - kiểm toán;

- Hiểu được bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; nhận thức được tác động của ngoại cảnh đến các vấn đề kế toán;

- Hiểu được bối cảnh tổ chức, cụ thể là chiến lược, mục tiêu, kế hoạch và văn hóa của doanh nghiệp hoặc tổ chức để làm việc thành công trong doanh nghiệp, tổ chức đó;

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng về kế toán để xử lý tình huống, nghiệp vụ vào thực tiễn;

- Có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp nhờ khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

2.1.2. Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng lập luận, tư duy độc lập. Có khả năng phân tích vấn đề về chuyên môn và các lĩnh vực liên quan, từ đó đưa ra các giải pháp chuyên môn phù hợp.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên ngành kế toán ở mức độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ hoặc các chuyên ngành gần như Tài chính ngân hàng,

Có khả năng tự học tập, cập nhật kiến thức và nghiên cứu các vấn đề chuyên môn về kế toán, kiểm toán, phân tích.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

Được trang bị kiến thức, kỹ năng độc lập trong tư duy và làm việc. Việc học tập, nghiên cứu dựa trên các phương pháp khoa học, logic, đặc biệt là việc tư duy hệ thống.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

Có khả năng nhanh chóng tiếp cận với các bối cảnh xã hội và ngoại cảnh cụ thể, từ đó vận dụng kiến thức vào công việc thực tế, tiếp tục nghiên cứu các vấn đề tồn tại cũng như lý luận.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

Làm chủ tình huống, tư duy hệ thống và tổ chức tốt công việc, nhân sự,...

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn phục vụ cho công việc cũng như quá trình tự học, tự nghiên cứu sau khi tốt nghiệp.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn phục vụ cho công việc cũng như quá trình tự học, tự nghiên cứu sau khi tốt nghiệp. Từ đó phát huy tính sáng tạo, dẫn dắt trong tổ chức, chuyên môn.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Làm chủ các kỹ năng cá nhân như kỹ năng học và tự học, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, kỹ năng quản lý bản thân;
- Có kỹ năng hình thành, vận hành, phát triển, và kỹ năng làm việc trong các nhóm làm việc khác nhau;
- Có thể lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả;
- Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, thông qua thư điện tử, các phương tiện truyền thông, thuyết trình và giao tiếp giữa các cá nhân;
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.
- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...), có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Thể hiện các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức;
- Thể hiện lòng can đảm để hành động theo nguyên tắc bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi;
- Hiểu sai lầm có thể xảy ra và có trách nhiệm với sai lầm đó;
- Công nhận thành quả của những người khác làm việc cùng mình;
- Cam kết để phục vụ cho tổ chức/doanh nghiệp.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;
- Hành vi chuyên nghiệp;
- Có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc;
- Có khả năng làm việc độc lập;
- Có kỹ năng đặt mục tiêu;
- Có kỹ năng tạo động lực làm việc;

- Có kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp;
- Có kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng;
- Biết trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc;
- Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân;
- Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, biết phê phán những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

4. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- **Nhóm 1: Nhân viên kế toán:** Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp và trong các tổ chức kinh tế, các công việc có thể đảm nhiệm như kế toán tiền mặt, kế toán hàng tồn kho, kế toán doanh thu-chi phí, kế toán công nợ phải thu - phải trả, kế toán nguồn vốn, kế toán thuế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành Chuyên gia kế toán, Chuyên gia quản lý quỹ, Kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp và trong các tổ chức kinh tế;

- **Nhóm 2: Nhân viên phân tích và tư vấn:** Có đủ năng lực đảm nhiệm một phần công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về các lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính tại các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính;

- **Nhóm 3: Trợ lý kiểm toán** tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chính, kiểm toán viên cao cấp tại các công ty kiểm toán;

- **Nhóm 4: Nghiên cứu viên và giảng viên:** Có thể giảng dạy các môn về Kế toán tại các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu về lĩnh vực kế toán tại các cơ sở nghiên cứu; sau đó có thể tiếp tục học tập phần đầu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp loại khá trở lên có thể tiếp tục học cao học chuyên ngành Kế toán (Kế toán - Kiểm toán). Nếu dự thi vào các chuyên ngành khác như:

Tài chính - Ngân hàng, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, sinh viên cần phải có chứng chỉ các môn bổ sung kiến thức theo quy định của từng chuyên ngành nêu trên;

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Kế toán cũng có thể tìm kiếm học bổng để tiếp tục học tập bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	135 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và Kỹ năng bổ trợ)</i>	
- Khối kiến thức chung:	27 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và Kỹ năng bổ trợ)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	10 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	16 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	14 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	2/8 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	21 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	3/6 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	61 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	33 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	15/36 tín chỉ
+ Thực tập thực tế và niên luận:	7 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế:	6 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các học phần 9-11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism-Leninism 1</i>	2	24	6		
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2 <i>Fundamental Principles of Marxism-Leninism 2</i>	3	36	9		PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	42	3		POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28		
6	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1 <i>General English 1</i>	4	16	40	4	
7	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2 <i>General English 2</i>	5	20	50	5	FLF2101
8	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3 <i>General English 3</i>	5	20	50	5	FLF2102
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
11	BSA2030	Kỹ năng bổ trợ <i>Soft Skills</i>	3				

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	10				
12	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18		
13	MAT1101	Xác suất thống kê <i>Theory of Probability and Statistics</i>	3	27	18		MAT1092
14	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18		MAT1092 MAT1101
III		Khối kiến thức theo khối ngành	16				
III.1		Các học phần bắt buộc	14				
15	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	5	2	
16	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	35	10		
17	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	35	10		INE1050
18	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3	30	15		MAT1101
19	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	24	21		INT1004, BSA1053, INE1051
III.2		Các học phần tự chọn	2/8				
20	BSA1054	Kỹ năng làm việc theo nhóm <i>Group Working Skills</i>	2	20	10		
21	HIS 1055	Lịch sử văn minh thế giới <i>World civilization History</i>	2	22	7	1	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
22	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Sociology</i>	2	15	12	3	
23	PHI1051	Logic học <i>Logics</i>	2	20	6	4	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	21				
IV.1		Các học phần bắt buộc	18				
24	BSL2050	Luật kinh tế <i>Business Law</i>	3	27	18		THL1057
25	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh <i>Principles in Management Administration</i>	3	27	18		
26	FIB2001	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng <i>Money and Banking Economics</i>	3	27	18		INE1051
27	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	29	12	4	BSA2001
28	BSA2001	Nguyên lý kế toán <i>Principles in Accounting</i>	3	30	15		
29	BSA2002	Nguyên lý marketing <i>Principles in Marketing</i>	3	31	10	4	
IV.2		Các học phần tự chọn	3/6				
30	FIB3010	Định giá doanh nghiệp <i>Corporate Evaluation</i>	3	25	15	5	BSA2018
31	FIB3004	Quản lý đầu tư <i>Introduction to Investment</i>	3	35	10	0	BSA2018
V		Khối kiến thức ngành	61				
V.1		Các học phần bắt buộc	33				

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
32	BSA2019	Kế toán tài chính <i>Financial Accounting</i>	3	27	15	3	BSA2001
33	FIB3013	Kế toán tài chính chuyên sâu 1 <i>Intermediate Financial Accounting 1</i>	3	27	15	3	BSA2019
34	FIB3014	Kế toán tài chính chuyên sâu 2 <i>Intermediate Financial Accounting 2</i>	3	27	15	3	FIB3013
35	BSA3007	Kế toán quản trị <i>Management Accounting</i>	3	35	8	2	BSA2001
36	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Specialized Corporate Finance</i>	3	35	10		BSA2018
37	FIB2015	Thuế <i>Taxation System</i>	3	27	18		INE 1050
38	FIB3018	Hạch toán môi trường <i>Environmental Accounting</i>	3	27	18		
39	FIB3037	Kế toán ngân hàng thương mại <i>Accounting in Commercial Banks</i>	3	20	20	5	FIB2001, BSA2001
40	FIB3015	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	20	20	5	BSA2001
41	BSA3009	Kiểm toán căn bản <i>Principles in Auditing</i>	3	30	10	5	BSA2019
42	BSA2016	Phân tích hoạt động kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	22	18	5	BSA2001
V.2		Các học phần tự chọn	15/36				
43	FIB4058	Những vấn đề hiện tại của kế toán <i>Contemporary Issues in Accounting</i>	3	22	20	3	BSA2019

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
44	BSA3062	Đàm phán trong kinh doanh <i>Negotiation in Business</i>	3	24	18	3	BSA2103
45	FIB2003	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial Market and Institutions</i>	3	15	25	5	INE 1051
46	INE3066	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	30	15		INE 1051
47	FIB3009	Hệ thống thông tin kế toán <i>Accounting Information Systems</i>	3	27	18		BSA2001
48	INE3106	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	30	15	0	INE1051
49	BSA3002	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3	25	15	5	BSA2001
50	FIB3060	Thực hành kế toán tài chính <i>Accounting Practice</i>	3	10	35		BSA2019
51	BSA3008	Kế toán thuế <i>Tax Accounting</i>	3	20	20	5	BSA2001
52	FIB3021	Kiểm toán tài chính <i>Financial Auditing</i>	3	30	10	5	BSA3009
53	FIB3022	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Auditing</i>	3	22	20	3	BSA3009
54	FIB3023	Thực hành kiểm toán tài chính <i>Auditing Practice</i>	3	10	35		FIB3021
V.3.		Thực tập và niên luận	7				
55	FIB4052	Thực tập thực tế 1 <i>Internship 1</i>	2	5	20	5	
56	FIB4053	Thực tập thực tế 2 <i>Internship 2</i>	2	5	20	5	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
57	FIB4060	Niên luận <i>Essay</i>	3				
V.4		<i>Khoá luận tốt nghiệp/các học phần thay thế</i>	6				
58	FIB4156	Khoá luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	6				
		<i>02 học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	6				
59	FIB3019	Kế toán công <i>Public Accounting</i>	3	22	18	5	BSA2019
60	FIB3050	Kiểm toán dự án <i>Project Audit</i>	3	20	20	5	BSA3009
		Tổng cộng	135				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.